

Bản án số: 855/2018/DS-ST

Ngày: 23/11/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp. HCM tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Ngọc Châu– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 652/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988; địa chỉ: 387/AT1 xã A, huyện B, tỉnh C; tạm trú: 2B/15 tổ D, khu phố Đ, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1978; địa chỉ: Xã F, huyện K, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: 2B/15 tổ D, khu phố Đ, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu được 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn năm 2015 (Giấy chứng nhận

kết hôn số 16/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Xã F, huyện K, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 25/02/2015).

Vợ chồng sống hạnh phúc được gần 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng về quan điểm sống. Cả hai vợ chồng đã cùng nhau khắc phục nhưng kết quả không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2018 đến nay.

- Nay tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng của bà là:

- Về quan hệ vợ chồng: Yêu cầu ly hôn.
- Về quan hệ con chung: Không có.
- Về quan hệ tài sản chung: Không có.
- Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn

Bị đơn – ông Trần Văn S vắng mặt và không có ý kiến gì gửi Tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

***Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng năm 2015. Bị đơn ông Trần Văn S đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn S, do ông Trần Văn S cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ ông Trần Văn S đến Tòa án để trình bày tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Trần Văn S vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Xã F, huyện K, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 25/02/2015 thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn S là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Nguyễn Thị Q có yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi đăng ký kết hôn, trong quá trình xây dựng cuộc sống chung vợ chồng do cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến không thể cùng nhau xây dựng được cuộc sống hôn nhân thực tế và hiện cả hai đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Trần Văn S không đến Tòa chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn để cùng nhau hàn gắn tình cảm, quan hệ hôn nhân nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Q.

[4] Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Thị Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hình thức: xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn S.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Trần Văn S.

1.2. Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Thị Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Q chịu, được căn trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0026089 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THA DS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (X.Duyên).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hữu Đức